| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CƯM'GAR**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19/11/2018
" *V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Ông Đỗ Văn Tha

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Mạnh
2. Bà Nguyễn Thị Hoài Bão

***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Quốc Thắng – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 327/2017/ TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST- DS, ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Vi Thị H ( Tên gọi khác: H) – Có mặt
Địa chỉ: Thôn 6, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk
**Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H1 – Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Toàn T – Luật sư – Văn phòng luật sư T – Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk – Có mặt
Địa chỉ: SN X N, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

*Người có quyền lợi liên quan:*

1/ Bà Hồ Thị N – Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn 2, xã C, huyện C, tỉnh ĐắkLắk.
2/ Chị Nguyễn Thị H2, anh Hoàng Anh T – Có mặt
Địa chỉ: SN 58 T, TT. Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.
3/ Chị Ngô Thị Ánh T, anh Cao Hoàng L – Có mặt
Địa chỉ: Thôn 2, xã C, huyện C, tỉnh ĐắkLắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tiến hành tố tụng nguyên đơn Vi Thị H trình bày:*

Tôi (H) và anh Nguyễn Văn H1 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, đến năm 2011 thì đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống hai vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2012 thì anh H1 phạm tội phải đi chấp hành án phạt tù. Sau khi chấp hành xong án phạt vào năm 2017 thì anh H1 không về chung sống với tôi nữa mà về quê sống với bố mẹ đẻ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chúng tôi đã sống ly thân thời gian dài nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/6/2008, hiện nay cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở với anh H1. Theo nguyện vọng của cháu N và anh H1, tôi đồng ý giao cháu N cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi xin rút yêu cầu đối với việc phân chia tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.Về nợ của cá nhân tôi nợ: Chị Nguyễn Thị H2, anh Hoàng Anh T 15.000.000 đồng; nợ chị Ngô Thị Ánh T, anh Cao Hoàng L số tiền gốc 40.000.000 đồng và 10.800.000 đồng tiền lãi, bà Hồ Thị N 21.000.000 đồng. Tôi có trách nhiệm trả nợ cho những người này.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 4 năm 2018 bị đơn Nguyễn Văn H1 trình bày:*

Tôi và cô Vi Thị H chung sống với nhau tự nguyện từ năm 2007, đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 8 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, năm 2012 tôi về làm mỏ quặng tại C, năm 2013 thì xảy ra vụ án tại mỏ quặng và tôi phải chấp hành bản án 04 năm tù, sau khi chấp hành án xong ngày 12/6/2017 tôi không về lại C mà sinh sống tại Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh cho đến nay. Trong thời gian tôi đi chấp hành án vợ tôi ở C cũng xảy ra nhiều chuyện riêng tư tôi không tiện nói ra. Nay cô H xin ly hôn đối với tôi; tôi nhất trí thuận tình ly hôn với cô Vi Thị H.

Về con chung: Giữa tôi và cô H có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/6/2008. Hiện cháu đang ở với tôi và học lớp 4 tại trường tiểu học xã T- C- Hà Tĩnh, sức khỏe bình thường. Tôi làm trang trại nên kinh tế ổn định, đủ điều kiện nuôi cháu; tôi có nguyện vọng nuôi cháu và không yêu cầu cô H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chỉ có ngôi nhà xây cấp 4 diện tích 20m2 tại thôn 6, xã C. Còn toàn bộ 2.716m2 thửa đất số 165, tờ bản đồ số 5, xã C đã được ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên tôi và cô H; cô H tự ý đi kê khai, tôi không ký vào bất cứ tài liệu, văn bản nào trong hồ sơ xin cấp giấy quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này và 1.884m2 đất chưa được cấp giấy cùng toàn bộ tài sản trên đất như cây cà phê, tiêu là tài sản riêng của tôi có trước khi tôi quen và cưới cô H. Về nợ chung: Không có.

*Người có quyền lợi liên quan Nguyễn Thị H2, Hoàng Anh T trong quá trình tố tụng trình bày:*

Ngày 30/12/2015 chị H có vay của vợ chồng tôi số tiền 15.000.000đ, mục đích vay chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình. Hai bên thỏa thuận miệng về lãi suất theo mức lãi suất của Ngân hàng Vietcombank là 375.000đ/03 tháng/tổng số tiền vay, không thỏa thuận về thời hạn trả. Chị H có viết 01 giấy vay tiền và ký xác nhận cho vợ chồng tôi, sau này chị H khởi kiện tại Tòa án thì có mượn giấy vay tiền này của vợ chồng tôi, hiện nay giấy vay tiền do chị H quản lý. Quá trình thực hiện tính đến ngày 30/7/2018 thì chị H trả đủ tiền lãi suất cho vợ chồng tôi. Nay tôi khởi kiện yêu cầu một mình chị H trả cho vợ chồng tôi số tiền 15.000.000đ và tiền lãi suất tôi không yêu cầu nữa.

*Người có quyền lợi liên quan Ngô Thị Ánh T, Cao Hoàng L trong quá trình tố tụng trình bày:*

Từ năm 2014 đến năm 2016 chị H có vay của vợ chồng tôi tổng số tiền 40.000.000đ, mục đích vay chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình, không thỏa thuận về thời hạn trả và thế chấp cho vợ chồng tôi 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 165 tờ bản đồ số 5 diện tích 2.716m$^2$ tại xã C, huyện C đã được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số BV 668597 ngày 22/12/2014 đứng tên Nguyễn Văn H1, Vi Thị H để làm tin. Sau này chị H mượn lại giấy vay tiền của vợ chồng tôi thì chị H có tự chép lại giấy vay tiền mới để khởi kiện, tuy nhiên có sự sai lệch về năm vay tiền, chúng tôi khẳng định thời điểm như chúng tôi cung cấp ở trên là chính xác.

Hai bên thỏa thuận tiền lãi hàng năm của toàn bộ số tiền gốc 40.000.000đ nói trên là 9.600.000đ/năm, trả vào ngày 18/12 (âm lịch) hàng năm. Tính đến ngày 18/12/2016 (âm lịch) tức ngày 15/01/2017 thì chị H trả đầy đủ tiền lãi suất cho vợ chồng tôi. Kể từ ngày 15/01/2017 hai bên thỏa thuận lại tiền lãi suất mỗi năm của tổng số tiền gốc 40.000.000đ là 7.200.000đ. Kể từ ngày 15/01/2017 đến nay thì chị H chưa trả được cho vợ chồng tôi thêm bất cứ khoản tiền gốc hay tiền lãi nào, nay vợ chồng tôi yêu cầu một mình chị H trả tổng số tiền 40.000.000đ tiền gốc và tiền lãi suất tính từ ngày 15/01/2017 đến nay theo mức lãi suất 1,5%/tháng là hơn 10.800.000đ nhưng vợ chồng tôi chỉ yêu cầu số tiền lãi là 10.800.000đ.

Sau khi chị H trả đủ số tiền trên, vợ chồng tôi sẽ trả lại GCNQSDĐ nói trên cho chị H.

*Người có quyền lợi liên quan Hồ Thị N trong quá trình tiến hành tố tụng trình bày:* Trong năm 2016- 2017 chị H có vay của tôi tổng số tiền là 21.000.000 đồng. Tôi không khởi kiện yêu cầu độc lập đối với chị H, khoản nợ này là của cá nhân chị H đối với tôi, khi nào chị H có thì trả cho tôi.Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán cơ bản đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS, tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS; đối với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 76 BLTTDS; đối với bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS; đối với người có quyền lợi liên quan đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 73 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình và các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi của nguyên đơn Vi Thị H

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi liên quan có yêu cầu độc lập.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị H và anh Nguyễn Văn H1.

*Về con chung:* Giao cho anh Nguyễn Văn H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/6/2008 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết chị H có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, nên đề nghị đình chỉ xét xử về giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Buộc chị Vi Thị H có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị H2, anh Hoàng Anh T 15.000.000 đồng; trả cho chị Ngô Thị Ánh T, anh Cao Hoàng L 50.800.000 đồng. Sau khi chị Vi Thị H trả đủ số tiền trên nợ trên cho vợ chồng chị Ngô Thị Ánh T, anh Cao Hoàng L thì vợ chồng ông bà có trách nhiệm trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp về hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân*:* Chị Vi Thị H và anh Nguyễn Văn H1 tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 10/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà tĩnh, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi chấp hành xong hình phạt tù vào năm 2017 thì anh H1 không về chung sống với chị H mà về quê làm ăn, sinh sống. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh H1 vì hiện nay tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và anh H1 cũng đồng ý ly hôn với chị H. Như vậy cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh H1 là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình.

[4]. *Về con chung:* Chị H và anh H1 có 01 con chung là Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/6/2008 cháu đang ở với anh H1, anh H1 có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc cháu đồng thời cháu N có nguyện vọng được ở với bố và chị H đồng ý để anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, do vậy cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh H1 là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]. Tài sản chung, nợ chung: Chị H có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, xét việc rút một phần đơn khởi kiện của chị H là tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử đối với phần chia tài sản chung và nợ chung.

[6]. Về nợ riêng: Trước khi mở phiên tòa, các đương thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận như sau: Chị Vi Thị H có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị H2, anh Hoàng Anh T số tiền 15.000.000đ.

Chị Vi Thị H có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị Ngô Thị Ánh T, anh Cao Hoàng L số tiền 50.800.000đ.

Thời hạn và phương thức trả nợ theo trình tự thi hành án dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm trả khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

Sau khi chị Vi Thị H trả hết khoản nợ trên cho vợ chồng chị Ngô Thị Ánh T, anh Cao Hoàng L thì vợ chồng ông bà có trách nhiệm trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 165 tờ bản đồ số 5 diện tích 2.716m$^2$ tại xã C, huyện C đã được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số BV 668597 ngày 22/12/2014 đứng tên Nguyễn Văn H1, Vi Thị H cho chị H.

Chị Vi Thị H nhận nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với khoản nợ mà chị H nợ của bà Hồ Thị Nhâm, bà Nhâm không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Vi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 1.645.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 4.050.000 đồng mà chị H đã nộp tạm ứng ngày 11/12/2017; biên lai số AA/2017/0001893 chị H còn được nhận lại 2.105.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án huyện CưM’gar.

Chị Nguyễn Thị H2, anh Hoàng Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 375.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0006697 ngày 03/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M’gar.

Chị Ngô Thị Ánh T, anh Cao Hoàng L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 1.180.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0006743 ngày 02/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M’gar.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3, 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình và các Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi của nguyên đơn Vi Thị H

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi liên quan có yêu cầu độc lập Nguyễn Thị H2, Hoàng Anh T; Ngô Thị Ánh T, Cao Hoàng L.

*Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị H và anh Nguyễn Văn H1.

*Về con chung:* Giao cho anh Nguyễn Văn H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/6/2008 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của chị Vi Thị H.

*Về nợ riêng:* Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Chị Vi Thị H có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị H2, anh Hoàng Anh T số tiền 15.000.000đ.

Chị Vi Thị H có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị Ngô Thị Ánh T, anh Cao Hoàng L số tiền 50.800.000đ.

Thời hạn và phương thức trả nợ theo trình tự thi hành án dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm trả khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

Sau khi chị Vi Thị H trả hết khoản nợ trên cho vợ chồng chị Ngô Thị Ánh T, anh Cao Hoàng L thì vợ chồng anh chị có trách nhiệm trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 165 tờ bản đồ số 5 diện tích 2.716m$^2$ tại xã C, huyện C đã được UBND huyện Cư M'gar cấp GCNQSDĐ số BV 668597 ngày 22/12/2014 đứng tên Nguyễn Văn H1, Vi Thị H cho chị H.

Về án phí: Chị Vi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 1.645.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 4.050.000 đồng mà chị H đã nộp tạm ứng ngày 11/12/2017; biên lai số AA/2017/0001893 chị H còn được nhận lại 2.105.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án huyện CưM'gar.

Chị Nguyễn Thị H2, anh Hoàng Anh T được nhận lại 375.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0006697 ngày 03/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

Chị Ngô Thị Ánh T, anh Cao Hoàng L được nhận lại 1.180.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0006743 ngày 02/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

Nguyên đơn; người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

**Nơi nhận:**
- VKS tỉnh; TA tỉnh ĐắkLắk;
- VKS huyện CưM'gar;
- Thi hành án dân sự CưM'gar;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**ĐỖ VĂN THA**